

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1329/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 ngày 11 tháng 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao cơ quan thực hiện lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 379/TTr-STC ngày 16 tháng 11 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm các nội dung chính như sau:

1. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

(1) Điều chỉnh về phạm vi và ranh giới quy hoạch tỉnh: Thực hiện theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, và Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025, làm cơ sở xác định phạm vi, quy mô, ranh giới và đơn vị hành chính trực thuộc trong nội dung quy hoạch điều chỉnh.

(2) Phân tích, đánh giá hiện trạng và điều kiện phát triển của tỉnh sau hợp nhất: Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hệ thống đô thị và nông thôn; phân tích những tiềm năng, lợi thế, khó khăn và thách thức của tỉnh trong bối cảnh mới.

(3) Xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển: Xây dựng các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội theo những mô hình tăng trưởng khác nhau, dựa trên các yếu tố động lực và rủi ro; lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu làm căn cứ tổ chức không gian và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực.

(4) Xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và tầm nhìn phát triển: Xây dựng quan điểm, mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Quy hoạch tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xác định các chỉ tiêu phát triển chủ yếu gắn với các trụ cột: kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và đối ngoại - hội nhập quốc tế; định hình vị thế, vai trò của tỉnh Tuyên Quang trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2050.

(5) Xác định các định hướng lớn tạo đột phá cho sự phát triển: Lựa chọn các trụ cột về kinh tế, các cực tăng trưởng; một số lĩnh vực, ngành, khu vực có tiềm năng, lợi thế để tập trung nguồn lực phát triển; đề xuất các đột phá về thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực, làm động lực thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

(6) Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội: Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội hợp lý, hiệu quả, bảo đảm liên kết vùng, kết nối hạ tầng, cân đối phát triển đô thị - nông thôn, miền núi - đồng bằng; định hướng phát triển các hành lang kinh tế, trung tâm động lực, vùng động lực tăng trưởng.

(7) Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng: Đề xuất phương hướng phát triển các ngành kinh tế chủ lực, lĩnh vực xã hội và các khu chức năng trọng điểm (khu, cụm công nghiệp; khu kinh tế cửa khẩu; vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; khu du lịch, khu đô thị động lực,...).

(8) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Kế thừa, phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính liên kết giữa các đô thị phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; hoàn thiện cấu trúc hệ thống đô thị, các trung tâm hành chính và trung tâm kinh tế - xã hội, bảo đảm phân bố hợp lý, liên kết đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa. Tăng cường tính kết nối giữa đô thị - nông thôn trên cơ sở hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ... Đẩy mạnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, bảo đảm phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

(9) Phương hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thủy lợi, viễn thông, xử lý chất thải, nghĩa trang, phòng cháy - chữa cháy, chợ, trung tâm thương mại... và các hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng và liên vùng.

(10) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: hạ tầng thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao, du lịch, an sinh xã hội và các thiết chế văn hóa khác, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện con người và xã hội.

(11) Định hướng sử dụng đất: Xác định phương án phân bổ, khoanh vùng và sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển không gian và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(12) Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên và ứng phó biến đổi khí hậu: Xây dựng giải pháp bảo vệ, cải thiện môi trường, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển bền vững và an toàn sinh thái.

(13) Giải pháp thực hiện quy hoạch: Xác định các nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư, khoa học - công nghệ, nhân lực và hợp tác phát triển... để bảo đảm triển khai hiệu quả việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

(14) Danh mục các dự án, công trình ưu tiên đầu tư.

(15) Nguồn lực thực hiện quy hoạch: Xác định các nguồn lực và giải pháp huy động để triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch.

2. Sản phẩm lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch

của tỉnh theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: LĐ, CVNCTH;
- Lưu: VT, KTTH.

h

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc